

Số: 668/NĐBR-TCKT  
V/v Công bố thông tin BCTC  
Soát xét 6 tháng đầu năm 2019.

Bà Rịa, ngày 14 tháng 8 năm 2019

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

1. Tên TCPH: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
2. Tên giao dịch: Ba Ria Thermal Power Joint stock Company
3. Mã chứng khoán: BTP
4. Trụ sở chính: Khu phố Hương Giang, P. Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh BRVT
5. Điện thoại: 0254. 2212 811 Fax: 0254. 3825 985
6. Sàn giao dịch: HOSE
7. Người thực hiện CBTT: Bà Trần Thị Bảo Xuân. Điện thoại: 0963 735 566
8. Nội dung của thông tin công bố:
  - Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2019 của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa được lập ngày 09/8/2019, bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính.
9. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2019:  
[www.btp.com.vn](http://www.btp.com.vn)

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng Website BTP;
- Lưu VT, TCKT.

**TUQ. PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
KẾ TOÁN TRƯỞNG**



*Trần Thị Bảo Xuân*



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**

**Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn  
sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019**



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Doanh nghiệp số** 3500701305 ngày 1 tháng 11 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3500701305 ngày 3 tháng 7 năm 2019. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Huỳnh Lin	Chủ tịch
	Ông Lê Văn Huy	Ủy viên (từ ngày 28 tháng 6 năm 2019)
	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Ủy viên (đến ngày 28 tháng 6 năm 2019)
	Ông Lê Thế Sơn	Ủy viên
	Ông Đoàn Ngọc Nhân	Ủy viên
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Lê Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc Phụ trách (từ ngày 28 tháng 6 năm 2019)
	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Tổng Giám đốc (đến ngày 28 tháng 6 năm 2019)
	Ông Đoàn Ngọc Nhân	Phó Tổng Giám đốc
<b>Trụ sở đăng ký</b>	Khu phố Hương Giang, Phường Long Hương Thành phố Bà Rịa Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

**Tuyên bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc về Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho mỗi giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ. Khi lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn các nguyên tắc kế toán phù hợp và áp dụng các nguyên tắc này một cách thích hợp;
- Đưa ra đánh giá và ước tính hợp lý và thận trọng;
- Tuyên bố việc tuân thủ các nguyên tắc kế toán, trừ những ngoại lệ đã được thuyết minh và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định này không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận Công ty đã tuân theo những yêu cầu trên trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sự đúng đắn của việc ghi chép sổ sách kế toán của Công ty và những sổ sách này cung cấp một cách tương đối chính xác thông tin tài chính của Công ty tại mọi thời điểm. Ban Tổng Giám đốc cũng có trách nhiệm bảo vệ tài sản của Công ty và do đó có trách nhiệm thực hiện các bước hợp lý nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và bất thường.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Chúng tôi phê duyệt các Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm, Báo cáo tài chính giữa niên độ này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

*Lê Văn Huy*

Phó Tổng Giám đốc Phụ trách

Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 9 tháng 8 năm 2019

307  
INC  
: PH  
ET  
A F  
SÀI



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 9 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra kết luận soát xét ngoại trừ nhưng lưu ý tới Thuyết minh 3(h) trong báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty trích trước và ghi nhận chi phí phát sinh cho các công trình sửa chữa lớn tài sản cố định theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và hướng dẫn kế toán cho các công ty thành viên do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015 (gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”). Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN, chi phí sửa chữa lớn được trích trước vào giá vốn hàng bán trong kỳ và dự phòng phải trả dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm được Đại hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt. Chi phí cho các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được ghi nhận trên tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” và “Dự phòng phải trả” trên bảng cân đối kế toán. Hướng dẫn nêu trên của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so quy định Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng” (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi một số điều kiện được thỏa mãn trong đó gồm điều kiện doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Đối với trường hợp sửa chữa lớn tài sản cố định, điều kiện này không được thỏa mãn. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được trình bày tại Thuyết minh 3(h) của báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0436-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 8 năm 2019

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.340.124.560.331</b>	<b>1.130.657.465.205</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>165.912.687.832</b>	<b>286.042.226.324</b>
Tiền	111		2.912.687.832	142.226.324
Các khoản tương đương tiền	112		163.000.000.000	285.900.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>551.650.000.000</b>	<b>598.320.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	551.650.000.000	598.320.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>406.923.042.697</b>	<b>71.624.102.968</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	386.523.741.619	50.558.892.407
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		46.601.200	23.626.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	20.713.898.477	21.402.783.160
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(361.198.599)	(361.198.599)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>191.341.754.685</b>	<b>147.170.073.068</b>
Hàng tồn kho	141		191.341.754.685	147.170.073.068
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>24.297.075.117</b>	<b>27.501.062.845</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		113.278.953	427.144.046
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	15(c)	22.706.571.482	24.822.966.676
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153	15(b)	1.477.224.682	2.250.952.123

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2019 VND</b>	<b>1/1/2019 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>670.039.104.182</b>	<b>758.851.279.831</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>314.135.444.464</b>	<b>255.014.611.088</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	313.894.583.487	254.955.072.202
<i>Nguyên giá</i>	222		2.627.231.106.118	2.551.204.323.432
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.313.336.522.631)	(2.296.249.251.230)
Tài sản cố định vô hình	227	11	240.860.977	59.538.886
<i>Nguyên giá</i>	228		4.153.610.294	3.959.064.839
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.912.749.317)	(3.899.525.953)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.664.126.168</b>	<b>132.043.939.157</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.664.126.168	132.043.939.157
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6(b)</b>	<b>352.172.266.200</b>	<b>343.249.232.740</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252		83.750.000.000	83.750.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		273.500.927.800	273.500.927.800
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(5.078.661.600)	(14.001.695.060)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.067.267.350</b>	<b>28.543.496.846</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.512.671.970	1.936.786.255
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	554.595.380	26.606.710.591
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>2.010.163.664.513</b>	<b>1.889.508.745.036</b>



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>914.620.094.875</b>	<b>801.415.602.072</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>520.479.435.367</b>	<b>377.600.380.295</b>
Phải trả người bán	311	14	355.574.337.322	107.187.173.026
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	15(a)	-	28.116.228.273
Phải trả người lao động	314		1.734.575.664	14.953.575.840
Chi phí phải trả	315	16	62.094.273.111	1.491.201.950
Phải trả khác	319	17	35.717.874.743	37.179.205.916
Vay ngắn hạn	320	18(a)	52.552.087.962	52.976.902.748
Dự phòng phải trả	321	19	2.772.976.898	133.033.552.953
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	10.033.309.667	2.662.539.589
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>394.140.659.508</b>	<b>423.815.221.777</b>
Vay dài hạn	338	18(b)	394.140.659.508	423.815.221.777
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.095.543.569.638</b>	<b>1.088.093.142.964</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>1.095.543.569.638</b>	<b>1.088.093.142.964</b>
Vốn cổ phần	411	22	604.856.000.000	604.856.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		7.560.228.689	7.560.228.689
Quỹ đầu tư và phát triển	418		162.486.453.679	121.294.978.514
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		19.945.014.383	20.035.100.608
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		300.695.872.887	334.346.835.153
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		250.030.631.088	197.041.917.937
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		50.665.241.799	137.304.917.216
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) 440</b>			<b>2.010.163.664.513</b>	<b>1.889.508.745.036</b>

Ngày 9 tháng 8 năm 2019

Người lập:



**Huỳnh Thị Huyền Trang**  
*Phó Trưởng phòng  
Tài chính – Kế toán*

Người duyệt:




**Trần Thị Bảo Xuân**  
*Kế toán trưởng*



**Lê Văn Huy**  
*Phó Tổng Giám đốc  
Phụ trách*

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019**

Mẫu B 02a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	732.413.182.207	789.663.989.557
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	683.520.535.725	696.874.430.186
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>48.892.646.482</b>	<b>92.789.559.371</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	40.773.400.062	48.271.468.752
Chi phí tài chính	22	28	(110.839.256)	(16.704.295.586)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.201.268.523	6.478.503.276
Chi phí bán hàng	25		20.772.938	19.703.831
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	13.086.147.852	13.665.958.334
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>76.669.965.010</b>	<b>144.079.661.544</b>
Thu nhập khác	31		47.392.000	125.883.038
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31)</b>	<b>40</b>		<b>47.392.000</b>	<b>125.883.038</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>76.717.357.010</b>	<b>144.205.544.582</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	-	14.310.631.279
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	26.052.115.211	13.879.964.174
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>50.665.241.799</b>	<b>116.014.949.129</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	838	1.918

Ngày 9 tháng 8 năm 2019

Người lập:




Huỳnh Thị Huyền Trang  
 Phó Trưởng phòng  
 Tài chính – Kế toán

Người duyệt:



Trần Thị Bảo Xuân  
 Kế toán trưởng

Lê Văn Huy  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Phụ trách

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
		30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>76.717.357.010</b>	<b>144.205.544.582</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao	02	17.100.494.765	14.790.211.319
Các khoản dự phòng	03	(21.971.621.812)	9.694.832.092
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(5.859.945.137)	(19.828.854.865)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(31.302.529.244)	(25.194.030.229)
Chi phí lãi vay	06	5.201.268.523	6.478.503.276
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>39.885.024.105</b>	<b>130.146.206.175</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(332.757.270.597)	1.176.403.151.166
Biến động hàng tồn kho	10	(44.171.681.617)	5.838.317.585
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	310.765.280.306	(1.135.403.300.834)
Biến động chi phí trả trước	12	737.979.378	333.246.095
		<b>(25.540.668.425)</b>	<b>177.317.620.187</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.295.232.556)	(6.594.085.471)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(28.745.493.914)	(23.427.912.612)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.581.725.647)	(50.066.620.677)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(65.163.120.542)</b>	<b>97.229.001.427</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(79.009.589.779)	(3.780.084.000)
Tiền chi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	23	(224.650.000.000)	(321.320.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	24	271.320.000.000	312.000.000.000
Tiền thu lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	31.650.982.747	43.891.435.836
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(688.607.032)</b>	<b>30.791.351.836</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này*

500  
 CÔNG  
 CỔ P  
 HIỆ  
 BÀ  
 9-T.B

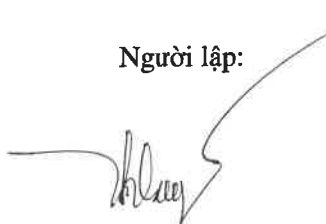
**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
		30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	97.000.000.000	211.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(121.239.431.918)	(237.126.109.351)
Tiền trả cổ tức	36	(30.038.379.000)	(59.896.388.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(54.277.810.918)</b>	<b>(86.022.497.351)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(120.129.538.492)</b>	<b>41.997.855.912</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>286.042.226.324</b>	<b>326.483.621.660</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70 5</b>	<b>165.912.687.832</b>	<b>368.481.477.572</b>

Ngày 9 tháng 8 năm 2019

Người lập:



**Huỳnh Thị Huyền Trang**  
*Phó Trưởng phòng*  
*Tài chính – Kế toán*

Người duyệt:



**Trần Thị Bảo Xuân**  
*Kế toán trưởng*




**Lê Văn Huy**  
*Phó Tổng Giám đốc*  
*Phụ trách*

07  
 G T  
 H A  
 Đ I  
 R I  
 R I A

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có 276 nhân viên (1/1/2019: 279 nhân viên).



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư vào công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chúng khoản tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

5007  
CÔNG  
CỔ  
PHIẾ  
B.  
RIJIA-

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 50 năm
▪ Máy móc và thiết bị	6 – 20 năm
▪ Phương tiện vận tải	6 – 15 năm
▪ Dụng cụ quản lý	3 – 10 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng là 10 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

0130  
G T  
H A  
T Đ  
R  
B A F



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

***Sửa chữa lớn tài sản cố định***

Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và hướng dẫn kế toán cho các công ty thành viên do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015 (gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”), chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm. Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên số dư tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” đồng thời với tài khoản “Dự phòng phải trả” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên. Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng” (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi một số điều kiện được thỏa mãn trong đó gồm điều kiện doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Đối với trường hợp sửa chữa lớn tài sản cố định, điều kiện này không được thỏa mãn.

Nếu Công ty áp dụng ghi nhận chi phí phát sinh và số dư của các công trình sửa chữa lớn tài sản cố định theo VAS 18 thì chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại sẽ tăng 65.938.784 VND và lợi nhuận sau thuế sẽ giảm 65.938.784 VND cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: không), các tài khoản “Tài sản thuế thu nhập hoãn lại”, “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán sẽ giảm cùng một khoản là 65.938.784 VND, và các tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” và “Dự phòng phải trả” trên bảng cân đối kế toán sẽ giảm cùng một khoản là 329.693.918 VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: các tài khoản “Tài sản thuế thu nhập hoãn lại”, “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán sẽ giảm cùng một khoản là 14.780.405.654 VND, các tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” và “Dự phòng phải trả” giảm cùng một khoản là 73.902.028.272 VND).

**(i) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(k) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông và thặng dư vốn cổ phần***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích Báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu tiêu thụ điện**

Doanh thu tiêu thụ điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(iv) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(v) Thu nhập từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(n) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(o) Lãi trên cổ phiếu (EPS)**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Trong kỳ Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(p) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### 4. Báo cáo bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất kinh doanh điện năng và một bộ phận địa lý là Việt Nam.

#### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tiền mặt	207.238.364	976.301
Tiền gửi ngân hàng	2.705.449.468	141.250.023
Các khoản tương đương tiền	163.000.000.000	285.900.000.000
	165.912.687.832	286.042.226.324

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 1 tháng tại Ngân hàng TMCP An Bình và hưởng lãi suất từ 4,7%/năm (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: từ 4,7% tới 5%/năm).

#### 6. Đầu tư tài chính

##### (a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	551.650.000.000	551.650.000.000	598.320.000.000	598.320.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 12 tháng tại các ngân hàng và hưởng lãi suất từ 6,6% tới 7,1%/năm (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: từ 6,2% tới 7,2%/năm).

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**

**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/6/2019		1/1/2019					
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>								
Công ty cổ phần thủy điện Buôn Đôn (**)	25%	25%	83.750.000.000	-	176.804.625.000	83.750.000.000	-	(*)
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>								
Công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng	2%	2%	108.730.000.000	-	125.000.000.000	108.730.000.000	9.130.000.000	99.600.000.000
Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh	2,3%	2,3%	114.770.927.800	5.078.661.600	109.692.266.200	114.770.927.800	4.871.695.060	109.899.232.740
Công ty cổ phần Phú Thạnh Mỹ	8,09%	8,09%	50.000.000.000	-	(*) 8,09%	50.000.000.000	-	(*)
			273.500.927.800	5.078.661.600		273.500.927.800	14.001.695.060	

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày báo cáo do không có sẵn thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này.

(\*\*) Công ty cổ phần Thủy Điện Buôn Đôn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 6000884487 ngày 20 tháng 5 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty cổ phần thủy điện Buôn Đôn là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng.

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động trong kỳ của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<b>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2019</b>	<b>30/6/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	14.001.695.060	29.914.646.400
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(8.923.033.460)	(26.431.382.520)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	5.078.661.600	3.483.263.880
	<hr/>	<hr/>

**7. Phải thu của khách hàng – ngắn hạn**

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty Mua bán điện	386.029.423.620	48.356.688.008
<b>Bên thứ ba</b>		
Các khách hàng khác	494.317.999	2.202.204.399
	<hr/>	<hr/>
	386.523.741.619	50.558.892.407
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và thu được trong vòng 15 ngày làm việc kể từ thời điểm bên liên quan nhận được hóa đơn thanh toán hợp lệ và chính xác.

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	17.232.022.779	17.580.476.282
Các khoản phải thu khác	3.481.875.698	3.822.306.878
	<hr/>	<hr/>
	20.713.898.477	21.402.783.160
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhiên liệu và vật tư	191.206.006.552	146.968.875.048
Công cụ và dụng cụ	98.677.913	152.460.459
Thành phẩm	37.070.220	48.737.561
	<hr/>	<hr/>
	191.341.754.685	147.170.073.068
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa****Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	99.343.527.907	2.374.421.010.359	33.822.591.637	43.617.193.529	2.551.204.323.432
Tăng trong kỳ	-	1.953.669.819	-	166.953.600	2.120.623.419
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	73.824.498.812	-	81.660.455	73.906.159.267
Số dư cuối kỳ	99.343.527.907	2.450.199.178.990	33.822.591.637	43.865.807.584	2.627.231.106.118
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	69.170.857.696	2.156.590.607.287	28.995.402.650	41.492.383.597	2.296.249.251.230
Khấu hao trong kỳ	1.603.686.072	14.788.730.093	375.109.752	319.745.484	17.087.271.401
Số dư cuối kỳ	70.774.543.768	2.171.379.337.380	29.370.512.402	41.812.129.081	2.313.336.522.631
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	30.172.670.211	217.830.403.072	4.827.188.987	2.124.809.932	254.955.072.202
Số dư cuối kỳ	28.568.984.139	278.819.841.610	4.452.079.235	2.053.678.503	313.894.583.487

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 2.190.953.355.556 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2019: 2.188.843.104.969 VND).



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	3.011.117.583	947.947.256	3.959.064.839
Tăng trong kỳ	-	194.545.455	194.545.455
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.011.117.583</b>	<b>1.142.492.711</b>	<b>4.153.610.294</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	3.011.117.583	888.408.370	3.899.525.953
Khấu hao trong kỳ	-	13.223.364	13.223.364
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.011.117.583</b>	<b>901.631.734</b>	<b>3.912.749.317</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	-	59.538.886	59.538.886
Số dư cuối kỳ	-	240.860.977	240.860.977

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có các tài sản có nguyên giá 3.889.064.839 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2019: 3.889.064.839 VND).

**12. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2019 VND</b>	<b>30/6/2018 VND</b>
Số dư đầu kỳ	132.043.939.157	64.771.181.148
Tăng trong kỳ	60.738.333.981	1.117.129.455
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(73.906.159.267)	(64.593.878.357)
Điều chỉnh giảm sau quyết toán	(117.211.987.703)	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.664.126.168</b>	<b>1.294.432.246</b>

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/6/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
Sửa chữa lớn tài sản cố định hữu hình	329.693.918	73.902.028.272
Hệ thống điều khiển tổ máy tuabin khí	-	56.807.478.635
Xây dựng cơ bản khác	1.334.432.250	1.334.432.250
	<hr/> 1.664.126.168	<hr/> 132.043.939.157

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>Thuế suất</b>	<b>30/6/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
Dự phòng phải trả	20%	554.595.380	26.606.710.591

**14. Phải trả người bán**

	<b>30/6/2019</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2019</b> <b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Tập đoàn điện lực Việt Nam EVN, công ty mẹ cấp cao nhất	854.151.954	1.311.294.219
<b>Bên thứ ba</b>		
Công ty Cổ Phần Xăng Dầu Dầu Khí Vũng Tàu	123.500.366.473	-
Công ty Cổ Phần Dương Đông-Sài Gòn	106.633.033.386	-
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Thanh An	84.724.021.459	57.025.388.409
Công ty TNHH MTV Xăng Dầu Bà Rịa Vũng Tàu	29.951.944.437	-
Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	4.680.205.450	4.457.532.307
Công ty TNHH Xuân Thiên	-	37.222.266.840
Các nhà cung cấp khác	5.230.614.163	7.170.691.251
	<hr/> 355.574.337.322	<hr/> 107.187.173.026
Số có khả năng trả nợ	<hr/> 355.574.337.322	<hr/> 107.187.173.026

Khoản phải trả thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa****Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***15. Thuế****(a) Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	1/1/2019 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Cán trừ VND	Điều chỉnh VND	Chuyển qua thuế phải thu Nhà nước VND	30/6/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	73.088.006.511	-	(73.088.006.511)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.116.228.273	-	(28.745.493.914)	-	(4.879.600)	634.145.241	-
Các loại thuế khác	-	660.541.224	(660.541.224)	-	-	-	-
	28.116.228.273	73.748.547.735	(29.406.035.138)	(73.088.006.511)	(4.879.600)	634.145.241	-

**(b) Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước**

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Chuyển từ thuế phải thu Nhà nước VND	30/6/2019 VND
Thuế thu nhập cá nhân	2.250.952.123	(1.767.293.692)	359.421.010	-	843.079.441
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	634.145.241	634.145.241
	2.250.952.123	(1.767.293.692)	359.421.010	634.145.241	1.477.224.682

**(c) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

	1/1/2019 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Cán trừ VND	30/6/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng	24.822.966.676	70.971.611.317	(73.088.006.511)	22.706.571.482

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Chi phí phải trả**

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí phải trả khí đã sử dụng	60.697.035.194	-
Chi phí lãi vay	1.397.237.917	1.491.201.950
	<hr/>	<hr/>
	<b>62.094.273.111</b>	<b>1.491.201.950</b>
	<hr/>	<hr/>

**17. Phải trả khác**

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả cổ tức cho cổ đông	35.208.320.500	35.003.899.500
Các khoản phải trả khác	509.554.243	2.175.306.416
	<hr/>	<hr/>
	<b>35.717.874.743</b>	<b>37.179.205.916</b>
	<hr/>	<hr/>

07/  
 NG  
 PH  
 ET  
 R  
 BÀ R

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2019		Biến động trong kỳ		30/6/2019		
	Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	-	-	97.000.000.000	(97.000.000.000)	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	52.976.902.748	52.976.902.748	26.276.043.981	(24.239.431.918)	(2.461.426.849)	52.552.087.962	52.552.087.962
	52.976.902.748	52.976.902.748	123.276.043.981	(121.239.431.918)	(2.461.426.849)	52.552.087.962	52.552.087.962

**(b) Vay dài hạn**

	1/1/2019		Biến động trong kỳ		30/6/2019		
	Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	423.815.221.777	423.815.221.777	-	(26.276.043.981)	(3.398.518.288)	394.140.659.508	394.140.659.508

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	446.692.747.470	476.792.124.525
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(52.552.087.962)	(52.976.902.748)
Hoàn trả sau 12 tháng	394.140.659.508	423.815.221.777

Vay dài hạn Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo hợp đồng cho vay lại số 2015/EVN-BARIA/EDCF ngày 1/9/2015, kế thừa từ hợp đồng vay vốn ODA số 21/TNDN ngày 20/12/2004 giữa Chi Nhánh Quỹ Hỗ Trợ Phát Triển Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Chi Nhánh Ngân Hàng Phát Triển Bà Rịa – Vũng Tàu) và Nhà Máy Điện Bà Rịa (nay là Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa) với tổng mức nợ vay là 49.978.210.130 Won. Khoản vay này từ nguồn vốn vay quỹ hợp tác phát triển kinh tế Hàn Quốc – EDCF cho mục đích thực hiện dự án Đuôi Hoi 306-2 Nhà Máy Điện Bà Rịa. Thời hạn cho vay lại là 13 năm với lãi suất 2,4%/năm.

Số dư của khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 tương đương 21.240.739.300 Won sẽ được hoàn trả dần đều trong 16 kỳ nửa năm với số tiền phải thanh toán mỗi kỳ là 1.249.455.253,5 Won và lần thanh toán cuối cùng của số dư còn lại là 1.249.455.243,5 Won là ngày 20 tháng 11 năm 2027.

## 19. Dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả thể hiện số trích lập dự phòng cho việc sửa chữa lớn các tổ máy phát điện sẽ được thực hiện trong kỳ tiếp theo.

Biến động của khoản dự phòng trong kỳ như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2019</b>	<b>30/6/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	133.033.552.953	69.399.820.871
Trích thêm trong kỳ	4.065.910.926	65.584.790.298
Sử dụng trong kỳ	(117.211.987.703)	(39.941.245.185)
Hoàn nhập trong kỳ	(17.114.499.278)	(29.458.575.686)
Số dư cuối kỳ	2.772.976.898	65.584.790.298



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2019</b>	<b>30/6/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	2.662.539.589	5.886.542.577
Trích lập trong kỳ	12.862.409.500	14.099.712.500
Sử dụng trong kỳ	(5.491.639.422)	(10.125.375.492)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>10.033.309.667</b>	<b>9.860.879.585</b>

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**21. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	604.856.000.000	7.560.228.689	107.472.531.553	20.035.100.608	381.631.424.177	1.121.555.285.027
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	116.014.949.129	116.014.949.129
Phân bổ vào các quỹ	-	-	13.822.446.961	-	(13.822.446.961)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	(14.099.712.500)	(14.099.712.500)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(60.485.600.000)	(60.485.600.000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(9.642.779)	(9.642.779)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>	604.856.000.000	7.560.228.689	121.294.978.514	20.035.100.608	409.228.971.066	1.162.975.278.877
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	21.289.968.087	21.289.968.087
Cổ tức	-	-	-	-	(96.172.104.000)	(96.172.104.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	604.856.000.000	7.560.228.689	121.294.978.514	20.035.100.608	334.346.835.153	1.088.093.142.964
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	50.665.241.799	50.665.241.799
Phân bổ vào các quỹ	-	-	41.191.475.165	-	(41.191.475.165)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	-	-	(12.862.409.500)	(12.862.409.500)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(90.086.225)	-	(90.086.225)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(30.242.800.000)	(30.242.800.000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(19.519.400)	(19.519.400)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019</b>	604.856.000.000	7.560.228.689	162.486.453.679	19.945.014.383	300.695.872.887	1.095.543.569.638



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## 22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>30/6/2019</b>		<b>1/1/2019</b>	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	60.485.600	604.856.000.000	60.485.600	604.856.000.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

Các cổ đông của Công ty bao gồm:

	<b>30/6/2019</b>		<b>1/1/2019</b>	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Tổng công ty Phát điện 3	48.123.557	79,56	48.123.557	79,56
Các cổ đông khác	12.362.043	20,44	12.362.043	20,44
	60.485.600	100	60.485.600	100

## 23. Cổ tức

Vào ngày 28 tháng 6 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 10% năm 2018. Trong đó, đã tạm ứng 5% với số tiền 30.242.800.000 VND vào năm 2018, còn lại 5% với số tiền 30.242.800.000 VND sẽ được trả vào năm nay (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018: 60.485.600.000 VND).

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	1.273.866.000	1.273.866.000
Từ hai đến năm năm	5.201.619.500	5.201.619.500
Sau năm năm	39.914.468.000	40.551.401.000
	46.389.953.500	47.026.886.500

Cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê đất tại Khu phố Hương Giang, Phường Long Hưng, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam trong 50 năm kể từ ngày 9 tháng 5 năm 2005.

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>30/6/2019</b>	<b>1/1/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt và chưa ký kết hợp đồng	-	7.223.520.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	10.201.371.187	46.617.504.536
	10.201.371.187	53.841.024.536

**25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2019</b>	<b>30/6/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu tiêu thụ điện (*)	731.580.057.841	788.282.217.230
Doanh thu dịch vụ khác	-	648.650.000
Doanh thu khác	833.124.366	733.122.327
	732.413.182.207	789.663.989.557

(\*) Doanh thu tiêu thụ điện cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 là doanh thu ước tính theo giá điện tạm tính và sẽ được quyết toán vào sáu tháng cuối năm.



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2019</b>	<b>30/6/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn tiêu thụ điện	682.915.202.904	696.233.038.789
Giá cung cấp dịch vụ khác	-	31.444.674
Giá vốn khác	605.332.821	609.946.723
	<b>683.520.535.725</b>	<b>696.874.430.186</b>

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2019</b>	<b>30/6/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	23.802.529.244	21.694.030.229
Cổ tức được chia	7.500.000.000	3.500.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	9.470.870.818	23.077.438.523
	<b>40.773.400.062</b>	<b>48.271.468.752</b>

**28. Chi phí tài chính**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2019</b>	<b>30/6/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	5.201.268.523	6.478.503.276
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.610.925.681	3.248.583.658
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(8.923.033.460)	(26.431.382.520)
	<b>(110.839.256)</b>	<b>(16.704.295.586)</b>

350  
 CÔNG  
 CỔ  
 NH  
 I  
 P  
 A R I A

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2019</b>	<b>30/6/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân công	7.154.142.388	6.816.983.053
Chi phí khấu hao	744.904.436	821.900.956
Thuế, phí và lệ phí	829.895.771	659.826.926
Chi phí dịch vụ mua ngoài	787.079.186	791.823.015
Chi phí khác	3.570.126.071	4.575.424.384
	<b>13.086.147.852</b>	<b>13.665.958.334</b>

**30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2019</b>	<b>30/6/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	650.012.010.521	620.350.045.844
Chi phí nhân công	27.032.439.432	23.995.172.438
Chi phí khấu hao	17.100.494.765	14.790.211.319
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.522.833.823	7.653.480.256
Chi phí khác	(2.051.989.367)	43.110.087.266

**31. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	-	14.310.631.279
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	26.052.115.211	13.879.964.174
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>26.052.115.211</b>	<b>28.190.595.453</b>

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	76.717.357.010	144.205.544.582
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	15.343.471.402	28.841.108.916
Chi phí không được khấu trừ thuế	38.147.200	49.486.537
Thu nhập không chịu thuế	(1.500.000.000)	(700.000.000)
Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho lỗ tính thuế kỳ hiện hành	12.170.496.609	-
	26.052.115.211	28.190.595.453

Lỗ tính thuế kỳ hiện hành là 60.852.483.045 VNĐ, chưa được quyết toán và sẽ hết hiệu lực vào năm 2024.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được tính như sau:

**(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (*)	50.665.241.799	116.014.949.129

(\*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2019</b>	<b>30/6/2018</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối kỳ	60.485.600	60.485.600

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 và 30 tháng 6 năm 2018, Công ty không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

**33. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2019</b>	<b>30/6/2018</b>
Cổ tức đã công bố nhưng chưa chi trả	35.208.320.500	-
Tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang đã mua nhưng chưa chi trả	79.596.188.650	-

**34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc</b>	
	<b>30/6/2019</b>	<b>30/6/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
<b>Tập đoàn điện lực Việt Nam EVN</b>		
Chi phí lãi vay	5.170.840.578	-
Lãi vay đã trả	5.264.804.610	6.478.503.276
Trả nợ gốc vay	24.239.431.918	26.126.109.351
Mua điện	9.043.072.817	6.980.553.330
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Phát điện 3</b>		
Cổ tức	24.061.778.500	48.123.557.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Mua bán điện</b>		
Doanh thu tiêu thụ điện	731.566.725.078	788.282.217.230



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa**  
**Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

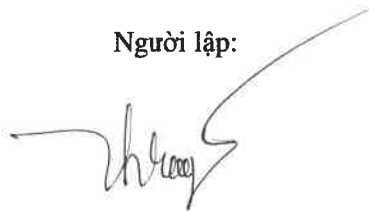
**Giá trị giao dịch**  
**Giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**30/6/2019                      30/6/2018**  
**VND                                      VND**

**Lương và thưởng cho Hội đồng quản trị,  
 Ban giám đốc, Ban kiểm soát**

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị (1 người)	341.986.000	396.966.999
+ Tổng giám đốc (1 người)	329.161.000	385.764.598
+ Phó Tổng giám đốc (2 người)	471.641.302	348.169.920
+ Kế toán trưởng (1 người)	216.813.668	242.999.360
+ Thành viên Hội đồng quản trị	90.084.000	132.099.600
+ Ban kiểm soát		
- Thành viên không trực tiếp tham gia SXKD	91.052.000	107.138.640
- Trưởng ban kiểm soát chuyên trách	245.569.323	276.675.521

Ngày 9 tháng 8 năm 2019

Người lập:



**Huỳnh Thị Huyền Trang**  
*Phó Trưởng phòng*  
*Tài chính – Kế toán*

Người duyệt:




**Trần Thị Bảo Xuân**  
*Kế toán trưởng*

**Lê Văn Huy**  
*Phó Tổng Giám đốc*  
*Phụ trách*